

PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025		
		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm (+/-)
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	148.813.939	149.019.860	205.921
I	Nguồn ngân sách trung ương	10.866.451	10.866.451	0
1	Vốn trong nước	9.166.607	9.166.607	0
2	Vốn nước ngoài	1.699.844	1.699.844	0
II	Nguồn ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của các doanh nghiệp	137.947.488	138.153.409	205.921
1	Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất	5.331.381	5.331.381	0
2	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới và phân cấp cho cấp dưới	39.080.932	39.163.488	82.556
3	Chương trình đầu tư xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn quận giai đoạn 2021 - 2025	719.101	719.101	0
4	Công tác quy hoạch	57.561	57.561	
5	Hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng	270.090	270.090	0
6	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	1.759.204	2.157.111	397.907
7	Hoàn trả vay ứng Ngân sách trung ương Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng	400.000	400.000	0
8	Hỗ trợ các quận, huyện chi trả kinh phí bồi thường GPMB tái định cư phục vụ Dự án xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn thành phố	220.442	220.442	0
9	Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi	920.290	1.394.904	474.614
10	Trả nợ gốc vốn vay	200.857	200.857	0
11	Thanh toán hoàn trả chi phí cho nhà đầu tư do chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng và 09 km trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo hình thức đối tác công tư (PPP)	1.670.011	1.670.011	0
12	Bố trí vốn cho các dự án thành phố quản lý và Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025	86.746.289	85.997.133	-749.156
12.1	Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025	14.891.856	14.630.826	-261.030
12.2	Bố trí vốn cho các dự án thành phố quản lý	71.854.433	71.366.307	-488.126
13	Dự phòng còn lại chưa phân bổ	571.329	571.329	0,000